

## Đà giảm quay trở lại

### Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 988 điểm. Cụ thể, MWG (-7.0%), GVR (-7.0%), NVL (-7.0%), PDR (-6.9%), và TCB (-6.9%) tạo áp lực giảm điểm lên chỉ số VN30. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động mua quay trở lại với giá trị mua ròng ghi nhận ở mức 300 tỷ đồng, dẫn dắt chủ yếu bởi lực cầu trên HPG, VCB, và VNM.

### Đồ thị VN30 Future: Đà giảm quay trở lại

Áp lực bán quay trở lại VN30F2301 và lực cầu vẫn chưa xuất hiện mặc dù vùng 1,000 điểm đã bị phá vỡ. Vùng 900 điểm sẽ là vùng tiếp theo. Giai đoạn phục hồi đã hoàn toàn biến mất khi vùng 1,000 điểm bị phá vỡ. Đà giảm đã quay trở lại và nhịp hồi trong phiên nên được sử dụng để mở vị thế bán mới. Tổng khối lượng OI (Open Interest) tăng trên mức 50,000 hợp đồng, điều này hàm ý rằng khả năng cao hợp đồng này sẽ tiếp tục giảm điểm. Trong trường hợp này, traders nên chờ nhịp hồi trong phiên để mở vị thế bán mới.

### Chiến lược đầu tư

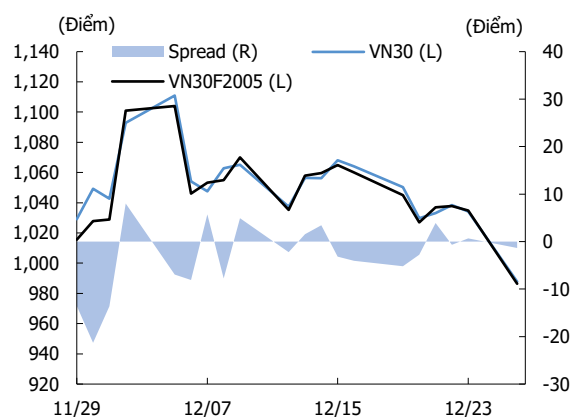
Bán VN30F2301 quanh vùng 1,000 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên vùng 1,030 điểm. (Đồ thị giờ)

	Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai <span style="float: right;">(điểm, %, hợp đồng)</span>					
	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán
VN30 Index	987.8	(4.5)				
VN30F2301	986.4	(4.7)	379,274	49,490	1,039	19/01/23
VN30F2302	985.0	(4.9)	626	451	1,042	16/02/23
VN30F2303	980.0	(4.1)	131	400	1,046	16/03/23
VN30F2306	966.0	(4.8)	216	796	1,058	15/06/23

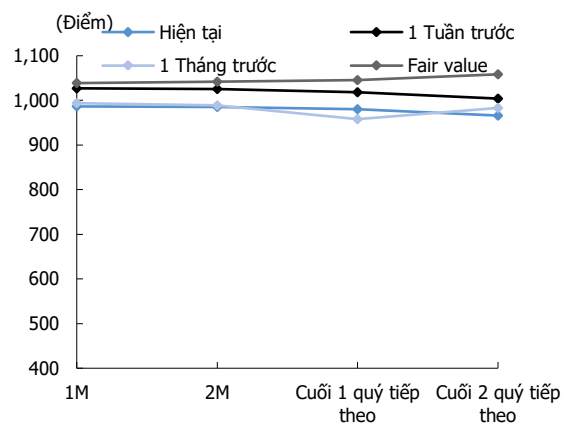
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30**

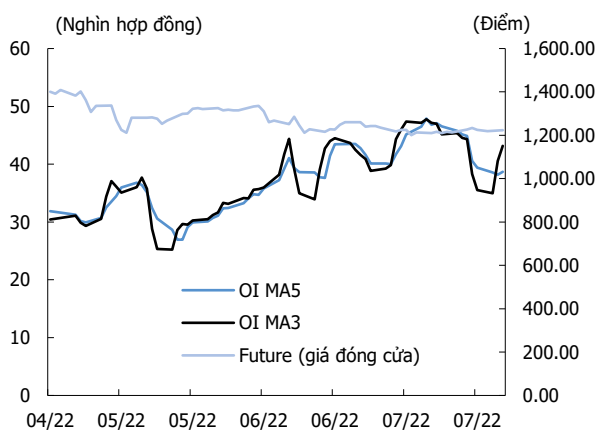
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Continuous Adjustment

**Hình 2. Độ lệch**

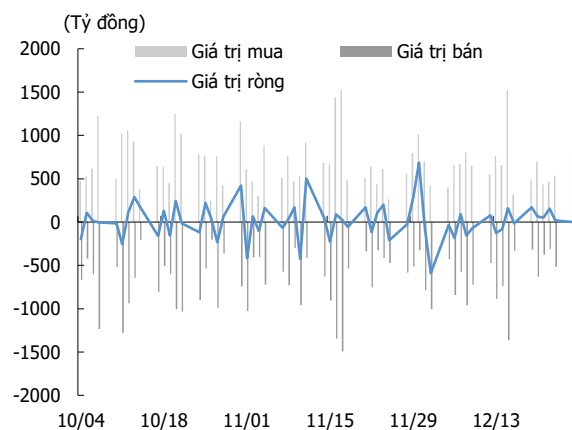
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 4. Open interest**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30**

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	74,641	6.72	22,100	(3.5)	5.6	1.34	3,983	30.0	29,080	17,450
BID	BIDV	Tài chính	196,271	0.83	38,800	(0.5)	12.1	2.04	1,666	17.2	49,950	28,000
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	33,776	0.36	45,500	(5.0)	19.3	1.52	954	26.8	70,000	41,200
CTG	VietinBank	Tài chính	125,190	1.99	26,050	(5.8)	8.0	1.19	6,577	27.8	38,200	19,500
FPT	FPT Corp	CNTT	83,813	7.55	76,400	(2.1)	15.9	4.21	1,300	49.0	99,083	61,300
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	196,371	1.04	102,600	1.1	14.7	3.47	383	2.9	134,000	92,600
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	53,400	0.23	13,350	(7.0)	12.6	1.06	2,003	0.6	39,400	9,300
HDB	HDBank	Tài chính	40,873	3.03	16,250	(4.4)	5.4	1.16	2,736	18.1	26,000	13,050
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	99,433	5.79	17,100	(6.8)	6.4	1.02	36,997	21.3	40,385	11,800
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	17,670	1.22	24,650	(6.1)	13.8	1.55	2,881	37.3	52,273	18,050
MBB	MBBank	Tài chính	76,171	4.44	16,800	(5.4)	4.3	1.05	12,865	23.2	29,083	13,200
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	130,271	6.21	91,500	(3.7)	13.6	5.08	1,177	30.4	145,833	69,100
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	62,340	4.95	42,600	(7.0)	12.2	2.68	3,421	49.0	81,400	35,250
NVL	Đầu tư Địa Ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	27,399	1.16	14,050	(7.0)	9.6	0.73	15,837	5.9	91,000	14,050
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	8,161	0.35	12,150	(6.9)	3.8	0.97	8,867	4.6	70,213	11,200
PLX	Petrolimex	Năng lượng	38,372	0.41	30,200	(2.3)	40.9	1.65	1,041	18.0	65,900	22,950
PNJ	Vàng Phú Nhuận	TD không thiết yếu	26,568	2.25	108,000	(0.6)	8.1	3.15	301	49.0	131,100	90,000
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	24,121	0.51	10,300	(5.9)	20.7	0.81	9,326	4.8	20,800	8,910
SAB	SABECO	TD thiết yếu	110,942	1.29	173,000	(1.1)	20.5	4.55	182	62.6	203,000	142,900
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	25,390	1.88	17,050	(6.8)	7.6	1.15	21,270	41.2	50,660	13,050
STB	Sacombank	Tài chính	41,286	4.37	21,900	(6.8)	10.0	1.12	23,758	26.8	36,700	14,050
TCB	Techcombank	Tài chính	90,393	6.21	25,700	(6.9)	4.3	0.83	7,708	22.5	54,900	19,300
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	33,217	1.94	21,000	(4.5)	5.5	1.08	5,422	30.0	44,000	18,300
VCB	Vietcombank	Tài chính	373,396	4.35	78,900	(0.3)	14.0	1.40	1,321	23.6	96,000	62,000
VHM	Vinhomes	Bất động sản	204,655	5.42	47,000	(5.6)	6.5	1.51	3,444	24.2	87,400	41,250
VIC	VinGroup	Bất động sản	201,757	5.34	52,900	(4.0)	79.0	1.78	2,048	12.8	106,400	49,700
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	58,981	3.12	108,900	(2.3)	30.1	3.37	356	16.9	149,000	96,100
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	158,837	6.73	76,000	(0.3)	20.1	5.10	2,216	55.7	87,500	64,500
VPB	VPBank	Tài chính	115,467	7.95	17,200	(6.3)	5.7	1.22	19,562	17.7	27,367	13,650
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	55,785	2.36	24,550	(4.8)	27.0	1.71	2,052	32.8	37,000	21,400

Nguồn: Bloomberg, KIS

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.